

德育學校財團法人德育護理健康學院高齡照顧福祉系

Khoa Phúc lợi và Chăm sóc Người cao tuổi, Học viện Điều dưỡng và Sức khỏe Đức Dục, Quỹ Giáo dục Đức Dục

實習機構實習合約書

Hợp đồng thực tập với cơ quan thực tập

立約人

Người ký hợp đồng

甲方：德育學校財團法人德育護理健康學院(實習學校，以下簡稱甲方)

Bên A: Quỹ Giáo dục Đức Dục – Học viện Điều dưỡng và Sức khỏe Đức Dục (trường thực tập, sau đây gọi là Bên A)

乙方：○○○○○○ (實習機構，以下簡稱乙方)

Bên B: ○○○○○○ (cơ quan thực tập, sau đây gọi là Bên B)

丙方：○○○○○○ 等 ○○ 位(如附件) (實習學生，以下簡稱丙方)

Bên C: ○○○○○○ và ○○○○ người khác (xem tệp đính kèm) (sinh viên thực tập, sau đây gọi là Bên C)

依據高齡照顧福祉系老人照顧實務實習校外實習辦法辦法，訂定本系學生校外機構實習合約書，茲為甲方分派丙方(課程名稱：老人照顧實務實習)至乙方實習，經三方協議，願意共同遵守下列條款：

Căn cứ theo “Quy định thực tập ngoài trường ngành Công tác xã hội”, lập ra Hợp đồng thực tập giữa sinh viên của khoa và đơn vị thực tập bên ngoài. Theo đó, Bên A phân công Bên C (môn học: Thực tập Công tác xã hội) đến thực tập tại Bên B. Sau khi được sự thỏa thuận của cả ba bên, các bên đồng ý cùng tuân thủ các điều khoản sau:

一、乙方同意接受丙方 ○○○○○○ 等共 ○○ 位(如附件)進行實習，實習期間為：民國 115 年 00 月 00 日至 115 年 00 月 00 日，每位學生合計 ○○ 小時，依乙丙雙方約定實際完成時數為準。

I. Bên B đồng ý tiếp nhận ○○ sinh viên từ Bên C, bao gồm cả ○○○ (kèm theo hồ sơ), để thực tập. Thời gian thực tập từ ngày 0 tháng 0 năm 2026 đến ngày 0 tháng 0 năm 2026. Mỗi sinh viên sẽ hoàn thành tổng cộng 0 giờ thực tập, dựa trên số giờ thực tế đã được Bên B và Bên C thỏa thuận..

二、甲乙雙方應於丙方實習前完成實習計畫書之協調，必要時得於實習前召開實習協調會，並作成會議紀錄。Bên A và Bên B phải hoàn tất việc phối hợp lập kế hoạch thực tập trước khi Bên C bắt đầu thực tập. Khi cần thiết, hai bên có thể tổ chức cuộc họp điều phối trước thực tập và lập biên bản cuộc họp.

三、甲方應將實習計畫書及合約書等資料送交乙方，以便辦理。

Bên A phải gửi kế hoạch thực tập và hợp đồng thực tập cùng các tài liệu liên quan cho Bên B để tiến hành các thủ tục cần thiết.

四、丙方於實習期間之住宿、膳食、交通等費用概由丙方自理，乙方得酌情給予協助；保險則由甲方辦理。

Trong thời gian thực tập, các chi phí ăn ở, đi lại của Bên C sẽ do Bên C tự chi trả. Bên B có thể hỗ trợ trong phạm vi hợp lý. Việc mua bảo hiểm sẽ do Bên A chịu trách nhiệm thực hiện.

五、實習津貼

Trợ cấp thực tập

無 Không có

津貼，新台幣 196 元/時。

Trợ cấp: 196 Đài tệ mới/giờ。

(上述津貼以金融機構轉存方式直接發給丙方)。

(Các trợ cấp nêu trên sẽ được thanh toán trực tiếp cho Bên C thông qua chuyển khoản ngân hàng.)

六、丙方於實習期間所用之器材及物品，如因不慎或故意損壞、遺失或被竊等情事，應由丙方負責賠償。

Trong thời gian thực tập, nếu Bên C làm hư hỏng, làm mất hoặc bị trộm cắp trang thiết bị, vật dụng được giao do bất cẩn hoặc cố ý, Bên C phải chịu trách nhiệm bồi thường.

- 七、實習性質應與丙方實習課程目標相關為宜，並不得令丙方從事危險、違法之實習活動。
Tính chất thực tập nên liên quan đến mục tiêu môn học thực tập của Bên C và không được yêu cầu Bên C tham gia các hoạt động thực tập nguy hiểm hoặc vi phạm pháp luật.
- 八、丙方實習期滿後，由乙方於一週內寄回丙方之實習時數紀錄明細表、實習評分表照顧服務員時數證明書等給甲方，作為評核實習總成績之依據。
Sau khi Bên C kết thúc thực tập, Bên B phải gửi lại cho Bên A trong vòng một tuần các tài liệu như: bảng ghi chi tiết số giờ thực tập, bảng đánh giá thực tập, giấy chứng nhận thực tập công tác xã hội hoặc công việc thực địa. Những tài liệu này sẽ được dùng làm căn cứ để đánh giá điểm tổng kết thực tập của Bên C.
- 九、乙方如有違反教育部、勞動部或其他主管機關之相關法令、規範、指導原則或行政命令，致影響丙方權益、實習品質、安全或本合約履行之情事，甲方得逕行終止本合約，丙方與乙方之實習課程亦同時終止。乙方不得異議，並應配合甲方協助丙方後續之實習轉銜或安置事宜。
Trong trường hợp Bên B vi phạm bất kỳ luật, quy định, hướng dẫn hoặc lệnh hành chính nào của Bộ Giáo dục, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác, gây ảnh hưởng đến quyền lợi, chất lượng, an toàn thực tập của Bên C hoặc việc thực hiện hợp đồng này, Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng trực tiếp, đồng thời chấm dứt các khóa thực tập của Bên C và Bên B. Bên B không được phản đối và sẽ hợp tác với Bên A để hỗ trợ Bên C trong các vấn đề chuyển tiếp hoặc bố trí thực tập sau này.
- 十、本合約書如有未盡事宜，三方可隨時協調解決之。
Nếu hợp đồng này còn điều khoản nào chưa được quy định rõ, ba bên có thể cùng nhau thảo luận và giải quyết bất cứ lúc nào.
- 十一、本合約書一式三份，甲乙丙方各執乙份。
Hợp đồng này được lập thành ba bản, mỗi bên A, B và C giữ một bản.

立約人/Người ký hợp đồng

甲方：德育學校財團法人德育護理健康學院

Bên A: Quỹ Giáo dục Đức Dục – Học viện Điều dưỡng và Sức khỏe Đức Dục

代表人/ Người đại diện：翁進坪

統一編號：00501200

Mã số thuế / Mã số doanh nghiệp

地址/ Địa chỉ：基隆市中山區復興路 336 號

電話/ Số điện thoại：(02)24372093

乙方/Bên B

代表人/ Người đại diện：○○○

統一編號：○○○○○

Mã số thuế / Mã số doanh nghiệp

地址/ Địa chỉ：○○○○○

電話/ Số điện thoại：(02)○○○○○

丙方/Bên C：○○○○○ 等 ○○位 (如附件)

身分證字號/ Số CMND：○○○○○

地址/ Địa chỉ：○○○○○

電話/ Số điện thoại：○○○○○○○○○○○

中 華 民 國 年 月 日